TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2022/DS-PT
Ngày: 21/02/2022
V/v tranh chấp: "Bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ái Đoan

Các Thẩm phán: Ông Võ Ngọc Giàu

Bà Nguyễn Thanh Nhàn

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Lê Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 21tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2022/TLPT-DS ngày 05 tháng 01 năm 2022 về việc tranh chấp "Bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 197/2021/DS-ST ngày 19/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Hửu (Hữu) B, sinh năm 1962; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Văng Tiến N, sinh năm 1969; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Nguyễn Thị H, sinh năm 1943; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1967; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn – ông Nguyễn Hửu (Hữu) B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

N*guyên đơn – ông Nguyễn Hửu (Hữu) B trình bày:*

Ông Nguyễn Hửu (Hữu) B có quản lý và sử dụng thửa đất số 339, tờ bản đồ số 22, diện tích 4.410,5 m^2 đất lúa tọa lạc tại ấp P, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang đã được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00204.

Bà Nguyễn Thị H có quản lý và sử dụng thửa đất số 303, tờ bản đồ số 22, diện tích 3.756,7 m^2 đất lúa tọa lại tại Ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Vào năm 2003, ông B có hỏi xin vợ chồng ông Văng Văn Đ và bà Nguyễn Thị H (là cha mẹ của ông N) cho đặt nhờ một đường ống dẫn nước từ kênh Bảy Giáo đi ngang qua phần đất của ông Đ và bà H khoảng 32m vào ruộng của ông B sử dụng để sản xuất lúa. Do phát hiện đường ống nước bị rò rỉ nên ông N đến nhà ông B báo để sữa chữa. Tại nhà ông B, do ông Văng Tiến N và anh Nguyễn Hồng T (con của ông B) có xảy ra mâu thuẫn cự cãi với nhau, hôm sau ông N đến nhà ông B yêu cầu dỡ ống nước và kỳ hạn 03 (ba) ngày phải tháo dỡ, nhưng ông B không tháo dỡ nên ông N đã tự đào đất và tháo dỡ đường ống nước không cho ông B dẫn nước vào ruộng như trước đây, ông N tháo dỡ khoảng 08m đường ống dẫn nước rồi đi báo với công an ấp là ông Đoàn Hoàng T1, ông T1 có lên bảo ông đem đường ống nước về, ông T1 không có lập biên bản.

Sau đó, ông B có đến lấy đường ống dẫn nước bị tháo dỡ đem về nhà. Tại thời điểm ông N tháo dỡ ống dẫn nước thì ruộng của ông B không có canh tác (mùa khô).

Sau đó, ông B đem đường ống nước về thì thấy đường ống nước bị rách 01 (một) đầu nhỏ nhưng vẫn sử dụng được, ông B không có yêu cầu về việc đường ống nước bị rách, ông B có đến hỏi xin bà H đặt lại đường ống nước để tiếp tục canh tác lúa thì bà H nói đến nhà ông N để xin đặt lại đường ống nước nhưng ông N không đồng ý, lúc này phần đất nêu trên là do anh L con bà H đang canh tác.

Ông N rút đường ống nước vào khoảng cuối tháng 04/2015 vào mùa khô, lúa đó ruộng ông B chuẩn bị sạ lúa, ông B dọn cỏ, xịt cỏ cho sạch ruộng để chuẩn bị xuống giống sạ lúa, lúc đó ruộng ông B chưa sạ lúa mới chuẩn bị sạ lúa. Do lúc đó chưa sạ lúa nên chưa dẫn nước vào ruộng, mới chuẩn bị sạ thì ông N mới rút đường ống nước.

Cuối tháng 5/2015 lúc đó ông B bắt đầu chuẩn bị sạ lúa, do vào tháng 05 của hàng năm là thường vào mùa mưa nên ông B và những hộ dân xung quanh thường sạ lúa vào khoảng tháng 05. Những năm trước khi bán ruộng thì ông B cũng sạ lúa vào tháng 04 hoặc tháng 05 của hàng năm.

Khi ông N rút đường ống dẫn nước vào cuối tháng 4/2015 thì do ruộng ông B ở xa nhà ông B khoảng 01 (một) cây số, khi công an ấp T đến nhà kêu ông B vác đường ống nước về, ông B không đồng ý lên ruộng để vác ống nước. Đến chiều tối ông B mới lên ruộng lấy đường ống nước gồm 02 (hai) đoạn, mỗi đoạn dài 04m, tổng 02 (hai) đoạn ống nước dài khoảng 08m, lấy 02 (hai) đường ống nước này gởi ở nhà gần ruộng ông B.

Khi sự việc xảy ra thì địa phương không có lập biên bản ngay lúc ông N rút đường ống dẫn nước. Khi công an ấp lên nói sự việc thì cũng không lập biên bản.

Ông B mới gởi đơn ra tổ hòa giải ấp, ngày 22/5/2015 thì tổ hòa giải ấp mới tiến hành hòa giải có ông B, ông N, ông A - Phó trưởng ấp, ông Đ - Trưởng ấp, ông B xin đặt lại đường ống nước tiếp thì ông N vẫn không cho đặt, ấp mới lập biên bản chuyển về ủy ban xã giải quyết, xã trả đơn về, sau đó ông B mới gởi đơn qua bưu điện, xã mới nhận đơn, ngày 03/8/2015 thì mời ông B lên tại ủy ban xã Đ giải quyết nhưng không thành, ông B mới làm đơn gởi tiếp lên ủy ban huyện, lúc đó các hộ dân xung quanh đã sạ lúa được khoảng 01 (một) tháng.

Khi thanh tra huyện xuống thì các hộ dân xung quanh đã sạ lúa, lúa đã lên được cây con được cỡ hơn 01 (một) tháng.

Trong quá trình ông B gởi đơn lên Ủy ban xã Đ thì lúc đó ông B đã sạ lúa rồi, không có đường dẫn nước nhưng khi các hộ dân xung quanh sạ lúa thì ông B cũng sạ lúa theo, ông B nghĩ nhờ vào nước trời mưa và nước từ các hộ dân xung quanh bơm nước vào ruộng có lỗ mọi xì nước qua ruộng ông B nên ông B sạ đại, do không có đường ống nước để bơm vào ruộng và tháo nước ra nên lúa bị chết.

Khi ông N rút đường ống dẫn nước thì ông B mới đi xin các hộ dân xung quanh để đặt đường ống dẫn nước nhưng không ai cho ông B đặt đường ống dẫn nước nên lúa ông B bị chết.

Ông B đã sạ lúa hết diện tích 4.410,5 m^2 đất ruộng, thì lúa bị chết, ông B báo Trưởng ấp và Phó trưởng ấp xuống khảo sát thì lúa bị thiệt hại trên 70%.

Ông B gởi đơn tiếp lên Ủy ban nhân dân huyện, đối thoại với Chủ tịch huyện, ông B có đến nhà gặp bà H để xin đặt lại đường ống dẫn nước qua ruộng bà H, bà H cho đặt nhưng ông N về lại không cho, yêu cầu họp dân, dân không ai đi dự nên ông B trở lên Ủy ban nhân dân huyện, không giải quyết xong, ông B mới gởi đơn lên Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh mới yêu cầu xã giải quyết dứt điểm, sau đó Hội nông dân tỉnh mới xuống vận động nhờ ông Võ Minh Trung gần ruộng của ông B cho ông B đặt nhờ đường ống dẫn nước thì ông Võ Minh Trung mới cho ông B đặt nhờ đường nước để dẫn nước từ kênh qua ruộng ông T1 để dẫn nước vào ruộng ông B.

Khi ông Võ Minh Trung cho đặt nhờ đường ống nước thì lúc đó ông B mới có đường ống dẫn nước để sử dụng.

Từ tháng 11/2016, ông B đã dẫn đường ống dẫn ở phần đất của ông Võ Minh Trung và canh tác lúa từ năm 2017, đến năm 2019 ông B đã bán ruộng lại cho người khác.

Như vậy, theo ông B tính từ thời điểm ông N không cho ông B đặt đường ống nước đến khi ông T1 cho ông B đặt đường ống nước thì ông B đã không canh tác được 05 (năm) vụ lúa, phải bỏ ruộng hoang.

Nên ông yêu cầu ông N phải bồi thường cho ông thiệt hại 05 (năm) vụ lúa từ hè thu 2015 đến hết năm 2016, chiết tính giá lúa thơm theo bảng chiết tính của Phòng Nông nghiệp huyện G ngày 10/02/2018.

Tổng cộng số tiền là: 32.968.000 đồng (Ba mươi hai triệu, chín trăm sáu mươi tám ngàn đồng).

Bị đơn – ông Văng Tiến N trình bày:

Trước đây, ông B có đặt đường ống dẫn nước đi ngang qua phần ruộng của bà Nguyễn Thị H (là mẹ ông N) như ông B trình bày. Khi ông Đ chết thì bà H cho ông thuê phần đất trên để canh tác, mỗi vụ lúa ông trả cho bà H 2.000.000 đồng, mỗi năm 03 vụ lúa, thì ông trả cho bà H 6.000.000 đồng. Sau đó giữa ông và con ông B có mâu thuẫn về đường ống dẫn ống nước bị hư, cụ thể đường ống dẫn nước bị hư làm nước bị rò rỉ, ông có yêu cầu ông B sửa chữa nhưng vì lúc đó ruộng đang canh tác nên ông đợi thu hoạch lúa xong mới để ông B sửa chữa nhưng sau khi thu hoạch lúa xong ông B vẫn chưa sửa chữa, đến tháng 03/2015 thì lúc này đang là mùa khô, ông bó rơm về cho bò ăn, anh Thoại (con ông B) bơm nước vào ruộng nhưng do đường ống dẫn nước bị hư nên nước bị xì làm ướt rơm, ông có nói thì anh Thoại và ông B có sửa lại nhưng do quá trình đặt ống không kỹ nên khi bơm nước vào ruộng của bà H để cho vịt ăn thì nước bị rút theo đường ống nước chảy ngược trở lại xuống kênh nên ông có lên báo ông B và anh Thoại thì từ đó xảy ra mâu thuẫn nên ông có hỏi ý kiến bà H không cho ông B tiếp tục đặt đường ống dẫn nước và được bà H đồng ý.

Ông có đến nhà ông B và nói: "Trong vòng 03 (ba) ngày ông tự dỡ đường ống nước nếu không thì tôi dỡ", đến 03 (ba) ngày sau ông B không tự dỡ nên ông có đến nhà ông Nguyễn Văn Anh và nói đã 03 (ba) ngày nhưng ông B không dỡ đường ống nước nên tôi sẽ dỡ.

Chỉ có 01 (một) mình ông tham gia dỡ đường ống dẫn nước. Khi dỡ lên xong thì ông thấy ống nước vẫn còn nguyên, ông có báo với công an ấp là ông T1 để ông T1 kêu ông B mang ống nước về.

Sau đó tại đám tang của mẹ vợ ông B thì ông có nói với ông B: "Cậu Tư ruộng không ai bỏ hoang" hàm ý muốn nói nếu ông B chịu xin lỗi ông thì ông sẽ cho ông B đặt lại đường ống dẫn nước nhưng ông B không có xin lỗi ông mà vài hôm sau tự ý lắp đặt lại đường ống dẫn nước mà không hỏi ý kiến ông hay mẹ của ông.

Ông B đã có kiện ông đến Ban quản lý ấp, Ủy ban nhân dân xã Đ, Uỷ ban nhân dân huyện và chủ tịch Hội Nông dân tỉnh đã có xuống làm việc. Trong tất cả các buổi làm việc trên, quan điểm của ông là nếu vợ chồng ông B muốn đặt lại đường ống nước cũ thì phải hỏi xin ông và phải làm cam kết nếu đường ống nước hư thì phải sửa chữa nhưng quan điểm của ông B là ruộng này là ruộng của bà H (mẹ ông) nên ông B không đồng ý hỏi xin ông cho đặt đường ống nước cũ vì vậy tất cả các buổi làm việc đều không thành.

Nay với yêu cầu kiện của ông B thì ông không đồng ý vì lý do ông B cố tình bỏ hoang ruộng, không tìm cách khắc phục để sản xuất lúa. Nếu không có đường dẫn nước này thì ông B vẫn có thể canh tác được bằng cách hỏi xin ông T1 ở ruộng kế bên để tạo điều kiện bơm nước cho ông B sản xuất lúa; mua ống dẫn nước mềm để dẫn nước từ kênh Bảy Giáo kéo dọc theo bờ ruộng giữa mẹ ông và ruộng ông T1 lên ruộng của ông B để canh tác; ông B nếu đã hỏi xin ông đặt lại đường ống nước thì ông đã đồng ý cho đặt, ông B cũng đã không tìm cách khắc phục để sản xuất đã không hỏi xin bơm nước nhờ từ các hộ lân cận để dẫn nước.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà là mẹ ruột của ông Văng Tiến N, ông B là láng giềng trong xóm ấp, giữa bà, ông N và ông B không có mâu thuẫn gì.

Vào năm 2003, ông B có hỏi xin vợ chồng bà và được vợ chồng bà đồng ý cho đặt 01 (một) đường ống dẫn nước từ kênh Bảy Giáo ngang qua phần đất của bà khoảng 32m vào ruộng của ông B, bà cho ông B đặt đường ống dẫn nước không có thu tiền. Vào mùa khô năm 2015, bà không nhớ chính xác ngày tháng thì phần đất của bà không canh tác, mà cho ông N thuê trả tiền thuê đất hàng năm cho bà mỗi năm là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Lúc này, ông N có đến hỏi xin bà về việc không đồng ý tiếp tục cho ông B đặt đường ống dẫn nước nữa thì được bà đồng ý. Sau khi ông B bị ông N dỡ đường ống dẫn nước thì ông B không trực tiếp đến hỏi xin bà lần nào, chỉ khi chính quyền xã đến vận động thì ông B mới đi theo và hỏi bà xin cho ông B đặt lại đường ống nước trên của bà thì bà có nói bà đã giao ruộng cho ông N làm trả tiền thuê theo vụ lúa, muốn đặt lại đường ống nước thì cứ trực tiếp xin Nghĩa, tùy ông N quyết định nhưng ông B không có xin ông N mà chỉ xin bà nên bà không có ý kiến gì, tùy ông N quyết định. Trước kia, ông B đặt đường ống dẫn nước để canh tác lúa qua ruộng của ông Nguyễn Văn Hùng dưới hình thức trả tiền thuê nhưng do ông B sợ tốn tiền nên ông B mới xin vợ chồng bà đặt nhờ đường ống dẫn nước.

Nay bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông B yêu cầu ông N bồi thường số tiền 32.968.000 đồng, bởi vì theo bà ông B không canh tác được 05 vụ lúa là do ông B cố tình không canh tác lúa; đường dẫn nước qua phần đất ruộng của bà không phải là đường ống dẫn nước duy nhất để ông B có thể sản xuất lúa. Ông B có thể hỏi xin ông H, ông T1 và các hộ kế bên để đặt đường ống dẫn nước qua ruộng của ông B để canh tác lúa, ông B không tìm cách khắc phục để canh tác lúa thì tự chịu.

Bà không có yêu cầu gì trong vụ kiện và xin cho vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng vì bà đi lại rất khó khăn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Hửu (Hữu) B, phần đất thửa số 339, tờ bản đồ số 22, diện tích 4.410,5m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00204 được Uỷ ban nhân dân huyện G cấp cho ông B và bà đứng tên sử dụng. Nay bà đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông B và không có ý kiến gì khác.

Bản án dân sự sơ thẩm số 197/2021/DS-ST ngày 19/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hửu (Hữu) B.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/12/2021, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Bá kháng cáo bản án sơ thẩm, không đồng ý với bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng nội qui phòng xử án và thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông B, buộc ông N bồi thường cho ông B 6.000.000 đồng.

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kháng cáo của bị đơn, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm" là có căn cứ. Xét đơn kháng cáo và biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm do ông B nộp còn trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Hửu Bá sử dụng phần đất thửa số 339, diện tích 4410,5 m^2, tọa lạc tại ấp P, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Thửa đất số 339 của ông B nằm phía trong thửa đất số 303 của bà Nguyễn Thị H, đất bà H giáp kênh. Năm 2003, vợ chồng bà H có cho ông B đặt đường ống dẫn nước âm dưới đất để dẫn nước từ kênh vào thửa 339, không thu tiền. Sau đó bà H cho con là ông Văng Tiến N canh tác thửa 303. Đến tháng 4 năm 2015 giữa con ông B là anh Thoại với ông N xảy ra mâu thuẫn nên ông N không đồng ý cho ông B tiếp tục sử dụng đường ống dẫn nước và ông N thông Bo cho ông B trong hạn 03 ngày thì ông B phải tự dỡ ống nước không thì ông N sẽ dỡ. Ông B không dỡ nên ông N đã dỡ ống nước của ông B. Lúc này ruộng ông B chưa sạ lúa. Sau đó ông B sạ lúa thì lúa chết và ông B tiếp tục bỏ hoang ruộng cho đến tháng 11 năm 2016 thì được ông Võ Minh Trung cho đặt ông nước sử dụng cho đến năm 2019 thì ông đã bán lại đất cho người khác.

[3] Xét lỗi, nhận thấy ông N dỡ ống nước của ông B khi chưa có sự đồng ý của ông B và ông B cũng chưa có xin được đường dẫn nước khác nên ông N cũng có lỗi trong việc gây thiệt hại khi ông B không canh tác được đất.

Xét thấy, đất ông B giáp ranh với các thửa đất có giáp kênh là thửa số 338 đất của ông Nguyễn Văn H, thửa đất 360 là đất của ông Võ Minh T1, thửa đất 409 là đất của ông Võ Tuấn K, thửa đất 410 là đất của Võ Văn T2. Ông B cũng có thể xin họ dẫn nước hoặc đặt ống nước mềm để bơm. Tuy nhiên, ông B trình bày có người thì xin họ không cho, có người thì dẫn nước xa, có người thì ông không thích nên không xin, còn việc đặt ống nước mềm thì ông không có làm vì khó khăn nên ông B cũng có lỗi trong việc bỏ đất không canh tác đến tháng 11 năm 2016.

Vụ hè thu năm 2015 ông B sạ lúa nhưng không có nước để canh tác dẫn đến lúa chết, sự việc này cũng được phía ông N thừa nhận nên ông N phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông B vụ này. Việc ông ông B tính bình quân giá lúa thơm để yêu cầu bồi thường là cũng không có cơ sở để chấp nhận bởi lẽ ông N không thừa nhận ông B sạ lúa thơm mà chỉ sạ lúa thường. Ông B chỉ có chứng cứ xác nhận của ông Nguyễn Văn Đ và ông Nguyễn Văn A vào năm 2021 và năm 2022 xác nhận vụ hè thu năm 2015 ông sạ lúa thơm, đây chỉ là tài liệu tham khảo, ông N không thừa nhận. Ngoài ra ông B không có chứng cứ gì để chứng minh vụ hè thu năm 2015 ông sạ lúa thơm nên Hội đồng xét xử xác định ông B sạ lúa thường.

[4] Án sơ thẩm xử xét lỗi hoàn toàn là thuộc về Bá nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B là gây thiệt thòi quyền lợi cho ông B.

[5] Căn cứ Công văn số 133/PNN&PTNT ngày 30/5/2018 thì lúa chất lượng cao lợi nhuận vụ hè thu năm 2015 là 8.600.000 đồng/ha, quy ra diện tích đất của ông B lợi nhuận là 3.784.000 đồng nên ông N phải có trách nhiệm bồi thường cho ông B 3.784.000 đồng. Còn 4 vụ tiếp theo ông B không có sạ lúa và cũng không tích cực tìm các lối dẫn nước khác là lỗi của ông B nên việc ông B yêu cầu ông N bồi thường là không có căn cứ.

[6] Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu kháng cáo của ông B là có căn cứ một phần nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông B, buộc ông N bồi thường cho ông B 3.784.000 đồng.

[7] Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm ông N phải chịu 300.000 đồng. Ông B là người cao tuổi nên dược miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 2 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Hữu Bá.

- Sửa Bản án sơ thẩm số 197/2021/DS-ST ngày 19/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hửu (Hữu) B.

Buộc ông Văng Tiến N bồi thường cho ông Nguyễn Hữu Bá số tiền là 3.784.000 đồng.

Kể từ ngày ông B có đơn yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông N chậm trả tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Ông Văng Tiếng Nghĩa phải chịu là 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại ông Nguyễn Hữu Bá 824.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0016805 ngày 07/10/2020 và 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0005829 ngày 02/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G, TG;
- CCTHADS huyện G, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ái Đoan